

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH CAO
NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

PHẦN I: CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- *Kiến thức về lý luận chính trị*
 - Hiểu và vận dụng những thành tựu khoa học và những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. Hiểu kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tư tưởng Hồ Chí Minh, những lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và vận dụng trong công việc của ngành trong cuộc sống.
- *Kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường*
 - Áp dụng những kiến thức pháp luật của các ngành pháp luật trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống.
 - Tích cực tham gia bảo vệ môi trường góp phần cho việc phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.
- *Kiến thức về tin học*
 - Sử dụng thành thạo và khai thác các tính năng nâng cao của các phần mềm văn phòng thông dụng; khai thác một số dịch vụ trên Internet; Khai thác các kiến thức cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, các kỹ năng sử dụng một số quản trị dữ liệu cơ bản ;
 - Biết cách khai thác các cơ sở dữ liệu của Việt Nam và thế giới.
- *Kiến thức về ngoại ngữ*
 - Thông thạo 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
 - Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp
 - Có thể viết các văn bản rõ ràng, chi tiết và nội dung khác nhau và có thể ghi chép thích quan tâm của mình về một vấn đề nhất định.
 - Vận dụng tiếng Anh học thu thập trong công việc.
- *Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh*
 - Hiểu nội dung cơ bản về nguyên lý quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện các nhiệm vụ thông thường.
 - Hiểu và vận dụng những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và rèn luyện, nâng cao các chất lượng thể chất và tinh thần của cá nhân.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Vận dụng các kiến thức toán cao cấp trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan trong ngành lao động;
- Xây dựng và phân tích các bài toán kinh tế thực tiễn;
- Sử dụng các phương pháp thống kê cơ bản phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế xã hội và áp dụng vào nghiên cứu khoa học.

1.3. Kiến thức theo chuyên ngành

- Vận dụng các kiến thức cơ bản về nhà kinh tế và pháp luật ghi quy tắc các vấn đề thị trường sinh trong các hoạt động kinh tế;
- Vận dụng các kiến thức cơ bản và nâng cao của kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghiên cứu và ghi chép, đánh giá các vấn đề kinh tế.
- Vận dụng phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê kinh tế, phục vụ cho công việc.
- Vận dụng phương pháp toán kinh tế phân tích, đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế nói chung và trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng.
- Lựa chọn và vận dụng phương pháp thống kê quần thể nhóm làm việc hiệu quả.

1.4. Kiến thức theo nhóm ngành

- Vận dụng các kiến thức cơ bản và nâng cao về Nhà kinh tế và Pháp luật vào những hoạt động kinh tế.
- Vận dụng phương pháp nghiên cứu kinh tế cơ bản và nâng cao, bao gồm thu thập, xử lý thông tin và tổng hợp số liệu, dữ liệu.
- Áp dụng các nguyên lý cơ bản và nâng cao về lý thuyết tiền tệ, hoạt động của hệ thống ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng trong môi trường gia và quốc tế để nâng cao và xử lý các bài tập mô phỏng tình huống, trang bị phương pháp phân tích thị trường, hình thành tư duy thực tiễn vận dụng kiến thức tiền tệ có hiệu quả môi trường trong nước và quốc tế thông qua việc học và nghiên cứu bằng tiếng Anh.
- Vận dụng các nguyên lý cơ bản về kế toán xử lý các bài tập mô phỏng tình huống, lập và mô tả các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp; có khả năng vận dụng kiến thức nâng cao vào việc xử lý bài tập tình huống thực tiễn, phân tích, mô tả và lập các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp.
- Vận dụng các nguyên tắc kế toán vào quá trình kinh doanh chủ yếu của các tổ chức kinh tế nói chung và các loại hình doanh nghiệp cụ thể hoạt động môi trường trong nước và quốc tế.
- Vận dụng các nguyên tắc marketing vào quá trình xúc tiến khách hàng, tìm kiếm thị trường tiềm năng cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế.

1.5. Kỹ năng ngành

- Hiểu, áp dụng các khái niệm cơ bản có liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng liên quan đến các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng.

- Hiểu, phân tích, ứng dụng kỹ năng ngành tài chính-ngân hàng hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các phương án, dự án kinh doanh trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng.

- Ứng dụng kỹ năng thực tế và thực tập trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng hiệu quả nhanh với môi trường công việc trong tương lai.

- Có khả năng nghiên cứu và tiếp cận các tài liệu bắt buộc và tham khảo tốt chủ nguồn tin báo tin Anh, hỗ trợ viết báo cáo và nghiên cứu thực tiễn về các lĩnh vực thực tế, hỗ trợ các bậc cao hơn từ các cơ sở giáo dục quốc tế trong nước và nước ngoài.

- Có năng lực kiểm soát các kỹ năng cơ bản thông qua các chương trình thực tập, thực tiễn tại doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính và tổ chức xã hội khác đạt một số tiêu chí và trình độ phát triển nghề nghiệp cá nhân.

2.V K N N G

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có kiến thức hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vốn kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành các hoạt động trong những bối cảnh khác nhau; có kiến thức phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sự đồng thuận thành tóm tắt khoa học công nghệ để quy trình công việc thực tế hay trực tiếp trong lĩnh vực TCNH, có năng lực dẫn dắt chuyên môn xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn hoạt động trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.

- Khả năng lập luận duy và giải quyết vấn đề

- Có khả năng lập luận, phân tích **nâng cao và chuyên sâu** các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực TCNH, bao gồm phân tích, đánh giá các xu hướng quốc tế hóa hoạt động ngân hàng và thị trường tài chính, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thế giới và các tổ chức tín dụng Việt Nam, quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, hoạt động cá nhân trên thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, và những vấn đề kinh tế trong kinh doanh ngân hàng như xử lý, thẩm định khách hàng mang tính cạnh tranh, hoạt động mua bán và sáp nhập ngân hàng hướng tới an toàn và lành mạnh tài chính trên cơ sở áp dụng hiểu biết các thông lệ tiên tiến của thị trường, tổ chức và nhân lực cho khu vực doanh nghiệp, quản

lý tài chính trong doanh nghiệp v.v... và đưa ra những hình thức quy tắc thể vào các tình huống khác biệt và đa dạng nhất.

- Có khả năng vận dụng quy trình lập kế hoạch, sắp xếp công việc, quản lý thời gian và nguồn lực;

- Biết tìm kiếm, cập nhật, thông tin trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

- Có hiểu biết về Anh chuyên ngành; trình bày bằng tiếng Anh các vấn đề trong công việc.

- *Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*

- Có khả năng nghiên cứu, phát hiện và ghi nhận quy tắc mới trong lĩnh vực TCNH như: nghiên cứu, dự báo sự vận động của hoạt động ngân hàng và thị trường tài chính, tìm kiếm tài chính và khả năng quản lý tài chính của khu vực doanh nghiệp trong tương lai và tác động của sự phát triển đó tới thị trường tài chính nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung v.v...

- *Khả năng tự duy theo hướng*

- Có khả năng lập luận, tự duy một cách sáng tạo theo hướng, nghiên cứu và ghi nhận quy tắc các vấn đề thể trong lĩnh vực TCNH.

- *Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh*

- Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực TCNH.

- *Bối cảnh tổ chức*

- Có thể nhận thức được bối cảnh tổ chức áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng;

- Biết nắm bắt vận hành tổ chức nội công tác;

- Biết nắm bắt chỉ số, mục tiêu và kế hoạch phát triển cá nhân.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, khả năng vào thực tiễn*

- Có sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm có thể mang lại lợi ích công việc khác nhau trong tổ chức.

- Biết xuất các phương pháp mới để giải quyết cho tổ chức, công việc, xã hội.

- *Năng lực sáng tạo, phát triển và đổi mới thay đổi trong nghề nghiệp*

- Có năng lực sáng tạo và áp dụng nhanh yêu cầu cá nhân trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm có thể mang lại lợi ích công việc khác nhau trong tổ chức.

- Xuất các phương pháp mới để giải quyết cho tổ chức, công việc, xã hội.

2.2. Khả năng

- *Các kỹ năng cá nhân*
 - Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc cá nhân; *những mục tiêu phát triển cá nhân*.
 - Có tư duy sáng tạo, duy phôi biến, biết xu hướng sáng kiến.
- *Làm việc theo nhóm*
 - Hình thành, vận hành, phát triển và lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả
 - Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm;
 - Biết cách chia sẻ thông tin và hỗ trợ các mối quan hệ trong nhóm trong nhóm.
 - Có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau.
- *Quản lý và lãnh đạo*
 - Kỹ năng quản lý và lãnh đạo các hình thành trong quá trình học tập thông qua các phương pháp học tập tích cực và làm việc theo nhóm. Bao gồm: Kỹ năng quản lý thời gian, nguồn lực; Kỹ năng xây dựng và thực hiện quy trình thực sự kiến.
- *Kỹ năng giao tiếp*
 - Biết cách lắng nghe, sắp xếp ý tưởng;
 - Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức diễn đạt nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail).
 - Biết cách huy động các nguồn tài trợ cho dự án, sự kiện.
- *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*
 - Giao tiếp tốt các ngôn ngữ Anh, có thể hiểu các các báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan ngành tài chính ngân hàng có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý các tình huống chuyên môn thông thạo; có thể viết các báo cáo có nội dung ngắn gọn, trình bày ý kiến liên quan công việc chuyên môn;
 - Trình bày tốt các báo cáo theo khung ngôn ngữ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- *Các kỹ năng bổ trợ khác*
 - Ứng dụng và thích ứng, riel.
 - Thích nghi và vận hành.
 - Sử dụng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews...) trong công việc. Sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.

3. **V** **ph** **m** **ch** **t** **o** **c**

- *Ph* *m* *ch* *t* *o* *c* *cá nhân*

- Có phẩm chất ở cá nhân như: Tin, linh hoạt, năng nổ, viri ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn...

- *Phẩm chất ở công nhân*

- Có các phẩm chất ở công nhân như: trung thực, có trách nhiệm, chủ động lên kế hoạch cho công nhân của mình, chủ động khám phá kỹ thuật và cập nhật thông tin liên quan đến công nhân.

- Có khả năng thích nghi với môi trường công tác.

- *Phẩm chất ở xã hội*

- Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao.

- Có lối sống tích cực và có tinh thần học hỏi và nâng cao.

4. Năng lực và trách nhiệm

- Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững chắc, đảm bảo trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công tác; có khả năng tự học hỏi, thích nghi với môi trường đa văn hóa.

- Thực tế, tích lũy kỹ thuật, kinh nghiệm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoàn thành tốt các nhiệm vụ công tác.

- Có khả năng giao tiếp và các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thạo và nắm vững pháp luật trong thực tiễn trong lĩnh vực TCNH.

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

- Có năng lực đánh giá và điều chỉnh các hoạt động chuyên môn trong tổ chức quy mô trung bình.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên TCNH CLC có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Khoa TCNH, Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Hà Nội là đơn vị đào tạo các Chuyên gia Tài chính Ngân hàng nghiệp vụ - *Professional Financiers and Bankers* đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính - xã hội khác. Với những kỹ thuật cơ bản và nâng cao về chuyên ngành đào tạo, các sinh viên tốt nghiệp chủ động trình độ nhân viên TCNH CLC của Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Hà Nội có thể đảm nhận công việc như sau:

- **Nhóm 1:** Các chuyên viên tài chính, cán bộ tín dụng, cán bộ phân tích tài chính và có thể cân nhắc làm trợ lý nhóm làm việc tại các ngân hàng, các doanh nghiệp, công ty kế toán, công ty tài chính, quốc tế, các nhà tài chính khác trong và ngoài nước; có thể học hỏi phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

- **Nhóm 2:** Cán bộ, chuyên viên tài chính ngân hàng tại các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban giám sát Tài chính, Bộ Tài chính, Ủy ban kế toán Nhà nước, Văn phòng chính sách tài chính

trực thuộc các Bộ, và các cơ quan trực thuộc Chính phủ và các Ban ngành khác; có nhu cầu phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

▪ **Nhóm 3:** Các chuyên viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật và tài chính ngân hàng làm việc tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác; có nhu cầu phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

6. Khẩn trương thực hiện nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Vì những kinh nghiệm thực tiễn và chuyên sâu về tích lũy trong quá trình học, tân cử nhân tài chính ngân hàng-CLC có khả năng tốt nghiệp, tốt nghiệp và tiếp tục nâng cao trình độ tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khoa, bài báo khoa học nâng cao kinh nghiệm chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc thực tế mà mới sinh viên mới nhận tiếp nhận và thực hiện.

Vì khả năng và phẩm chất tốt nghiệp trong quá trình đào tạo tại Nhà trường, tân cử nhân TCNH CLC tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng môi trường làm việc.

PHẦN II: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ chương trình đào tạo (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh, Kỹ năng mềm): **150 tín chỉ**

- **Khả năng chung** (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh, Kỹ năng mềm): 32 tín chỉ
- **Khả năng theo lĩnh vực:** 10 tín chỉ
- **Khả năng theo chuyên ngành** 16 tín chỉ
 - *Bắt buộc:* 14 tín chỉ
 - *Tự chọn:* 2 tín chỉ /6 tín chỉ
- **Khả năng theo nhóm ngành:** 20 tín chỉ
 - *Bắt buộc:* 14 tín chỉ
 - *Tự chọn:* 6 tín chỉ /12 tín chỉ
- **Khả năng chuyên ngành:** 72 tín chỉ
 - *Bắt buộc:* 35 tín chỉ
 - *Tự chọn:* 18 tín chỉ /60 tín chỉ
 - *Thực tập thực tế và luận văn:* 12 tín chỉ
 - *Khóa luận tốt nghiệp:* 7 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Trong số 108 tín chỉ thuộc kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành và ngành, có 26 tín chỉ bắt buộc học bằng tiếng Anh (chưa tính Khóa luận tốt nghiệp), chiếm 24%.

0	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khí kiến thức chung (Không tính các học phần 10-12)	32				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1 <i>Fundamental Principles of Marxism-Leninism 1</i>	2	24	6	0	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 <i>Fundamental Principles of Marxism-Leninism 2</i>	3	36	9	0	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10	0	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>The Revolutionary Line of the Communist Party Vietnam</i>	3	42	3	0	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28	0	
6	FLF2101	Tiếng Anh cơ sở 1 <i>General English 1</i>	4	16	40	4	
7	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2 <i>General English 2</i>	5	20	50	5	FLF2101
8	FLF2103	Tiếng Anh cơ sở 3 <i>General English 3</i>	5	20	50	5	FLF2102
9	FLF2104	Tiếng Anh cơ sở 4 <i>General English 4</i>	5	20	50	5	FLF2103
10		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
11		Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
12	BSA2030	Kỹ năng mềm <i>Soft Skills</i>	3				
II		Khí kiến thức theo lĩnh vực	10				

0	Mã h c ph n	H c ph n	S TC	S gi tín ch			H c ph n tiên quy t
				Lý thuy t	Th c hành	T h c	
13	MAT1092	Toán cao c p <i>Advanced Mathematics</i>	4	42	18	0	
14	MAT1101	Xác su t th ng kê <i>Probability and Statistics</i>	3	27	18	0	MAT1092
15	MAT1005	Toán kinh t <i>Mathematics for Economists</i>	3	27	18	0	BSA1053
III		Kh i ki n th c theo kh i ngành	16				
III.1		Các h c ph n b t bu c	14				
16	THL1057	Nhà n c và pháp lu t i c ng <i>Introduction to Government and Law</i>	2	23	5	2	
17	INE1050	Kinh t vi mô <i>Microeconomics</i>	3	30	15	0	
18	INE1051	Kinh t v mô <i>Macroeconomics</i>	3	30	15	0	INE1050
19	BSA1053	Nguyên lý th ng kê kinh t <i>Principles of economic Statistics</i>	3	30	15	0	MAT1101
20	INE1052	Kinh t l ng <i>Econometrics</i>	3	25	16	4	INT1004 INE1051 BSA1053
III.2		Các h c ph n t ch n	2/6				
21	HIS1055	L ch s v n minh th gi i <i>World Civilization History</i>	2	22	7	1	
22	SOC1050	Xã h i h c i c ng <i>Introductory Sociology</i>	2	15	12	3	
23	PHI1051	Lôgíc h c <i>Logics</i>	2	20	6	4	
IV		Kh i ki n th c theo nhóm ngành	20				
IV.1		Các h c ph n b t bu c	14				
24	BSL2050	Lu t kinh t <i>Business Law</i>	2	15	13	2	THL1057
25	INE1016	Ph ng pháp nghiê n c u kinh t <i>Economic Research Methodology</i>	3	30	15	0	INE1051
26	FIB2001	Kinh t ti n t - ngân hàng* <i>Monetary and Banking Economics</i>	3	30	15	0	INE1051
27	BSA2001	Nguyên lý k toán* <i>Principles of Accounting</i>	3	27	18	0	

0	Mã h c ph n	H c ph n	S TC	S gi tín ch			H c ph n tiên quy t
				Lý thuy t	Th c hành	T h c	
28	BSA2002	Nguyên lý Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	21	23	1	
IV.2		Các h c ph n t ch n	6/12				
29	BSA4010	V n hóa và o c kinh doanh <i>Corporate Responsibility and Business Ethics</i>	3	35	10	0	
30	INE2020	Kinh t qu c t <i>International Economics</i>	3	32	13	0	INE1051
31	INE2003	Kinh t phát tri n <i>Development Economics</i>	3	29	16	0	INE1051
32	BSA2004	Qu n tr h c <i>Principles of Business Administration</i>	3	35	10	0	
V		Kh i ki n th c ngành	72				
V.1		Các h c ph n b t bu c	35				
33	FIB2003	Các th tr ng và nh ch tài chính <i>Financial Markets and Institutions</i>	3	20	25	0	INE1051
34	BSA2033	Phân tích tài chính <i>Financial Analysis</i>	3	24	21	0	BSA2018
35	FIB3004	Qu n lý u t <i>Porfolio Investment</i>	3	30	15	0	BSA2018
36	BSA2018	Tài chính doanh nghi p <i>Corporate Finance</i>	3	25	20	0	BSA2001
37	INE3003	Tài chính qu c t <i>International Finance</i>	3	27	15	3	INE 1051
38	FIB2004	Tài chính công <i>Public Finance</i>	3	30	15	0	INE 1051
39	BSA3130	Th m nh tài chính d án <i>Financial Appraisal for Projects</i>	3	30	15	0	BSA2018
40	FIB3062	Qu n lý ngân hàng i n t *** <i>E-banking Management</i>	2	20	10	0	FIB2001
41	FIB2005	Qu n tr ngân hàng th ng m i <i>Commercial Bank Management</i>	3	30	15	0	FIB2001
42	FIB3024	Tín d ng ngân hàng <i>Bank Credit</i>	3	30	15	0	FIB 2001
43	FIB2035	Ngân hàng qu c t <i>International Banks</i>	3	30	15	0	FIB2001

0	Mã h c ph n	H c ph n	S TC	S gi tín ch			H c ph n tiên quy t
				Lý thuy t	Th c hành	T h c	
44	FIB3113	Ngân hàng Trung ng và Chính sách ti n t <i>Central Bank and Monetary Policy</i>	3	30	15	0	FIB2001
V.2		Các h c ph n t ch n	18/60				
45	FIB3061	Tài chính vi mô ^{***} Microfinance	3	35	10	0	FIB2001
46	FIB2012	Pháp lu t tài chính ngân hàng <i>Legal Documents and Laws in Finance and Banking</i>	3	30	15	0	THL1057
47	FIB 3037	K toán ngân hàng th ng m i <i>Accounting in Banks</i>	3	30	15	0	BSA2001
48	FIB3112	Nghi p v ngân hàng u t <i>Investment Banking</i>	3	30	15	0	FIB2005
49	FIB3012	Qu n lý, kinh doanh v n và ngo i t ^{***} <i>Treasury Management</i>	3	30	15	0	FIB2005
50	BSA3029	Marketing ngân hàng <i>Marketing in Banks</i>	3	20	25	0	BSA2002
51	FIB3114	Tài chính cá nhân c n b n <i>Basic Personal Finance</i>	3	30	15	0	FIB2001
52	BSA3030	Tài chính doanh nghi p chuyên sâu <i>Specialized Corporate Finance</i>	3	30	15	0	BSA2018
53	FIB3049	Ph ng pháp nh l ng ng d ng trong tài chính <i>Applied Quantitative Methods in Finance</i>	3	25	20	0	BSA2018
54	FIB3010	nh giá doanh nghi p <i>Corporate Valuation</i>	3	30	15	0	BSA2018
55	FIB2036	Qu n tr r i ro <i>Risk Management</i>	3	30	15	0	BSA 2018
56	INE3106	Thanh toán qu c t <i>International Payment</i>	3	30	15	0	INE1051
57	INE3066	Qu n tr tài chính qu c t <i>International Finance Management</i>	3	30	15	0	INE1051
58	FIB2038	Tài chính trong mua bán và sáp nh p doanh nghi p <i>The Finance of Buyouts and Acquisitions</i>	3	30	15	0	BSA2018

0	Mã h c ph n	H c ph n	S TC	S gi tín ch			H c ph n tiên quy t
				Lý thuy t	Th c hành	T h c	
59	FIB2015	Thu Tax	3	30	15	0	INE1050
60	BSA3009	Kì m toán c n b n Basic Auditing	3	30	15	0	BSA2001
61	BSA2019	K toán tài chính Financial Accounting	3	30	10	5	BSA2001
62	BSA2006	Qu n tr ngu n nhân l c Human Resources Management	3	27	15	3	
63	BSA3007	K toán qu n tr Managerial Accounting	3	30	15	0	BSA2001
64	FIB3063	Qu n tr dòng ti n Cash Management	3	30	10	5	BSA2018
V.3		Th c t p th c t và niên lu n	12				
65	FIB4054	Ki n t p*** Pre-Internship	2	0	30	0	
66	FIB4052	Th c t p th c t 1** Internship 1	3	0	45	0	FIB4054
67	FIB4053	Th c t p th c t 2** Internship 2	3	0	45	0	FIB4052
68	INE4050	Niên lu n** Essay	4	0	60	0	
V.4		Khóa lu n t t nghi p	7				
69	FIB4051	Khóa lu n t t nghi p** Thesis	7	0	105	0	
		C ng	150				

Ghi chú: H c ph n Tiếng Anh là h c ph n i u ki n, không tính i m trung bình chung tích l y.

(*): H c ph n có cùng tên h c ph n, cùng s tín ch nh ng n i dung và chu n u ra nâng cao so v i ch ng trình ào t o chu n;

(**): H c ph n có cùng tên h c ph n nh ng t ng s tín ch , n i dung và chu n u ra nâng cao so v i ch ng trình ào t o chu n;

(***): H c ph n m i nh m t chu n u ra cao h n c a CT T;

Các h c ph n c in m, nghiêng : H c ph n gi ng d y b ng ti ng Anh.

Khuy n khích sinh viên th c hi n khóa lu n b ng ti ng Anh.